

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày: 08-01-2024
V/v tranh chấp “hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Chính;

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mộng K, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Tắc N, xã Đ, huyện Nn, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Lê Thị N (Lê Ngọc G), sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Ông Nguyễn Minh Ph, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn, Phạm Thị Mộng K trình bày:***

Bà Phạm Thị Mộng K là đầu thảo, chủ hội ở địa phương, bà mở nhiều dây hội, ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Thị N (Lê Ngọc G), tham gia nhiều chân hội ở nhiều dây hội khác nhau. Khi mở hội, bà K có giao danh sách hội cho các hội viên, cụ thể:

Dây hội thứ nhất: Mở ngày 15/7/2022 AL, loại hội 1.000.000 đồng, hội gồm 38 chung, ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Ngọc G tham gia 1 chung và hót hội ở kỳ đầu tiên (kỳ 1), bà K đã giao đủ tiền, nay hội đã mãn nhưng ông bà còn nợ hội chết là 29.200.000 đồng.

Dây hội thứ hai: Mở ngày 15/10/2022 AL, loại hội 500.000 đồng, gồm 40 chân, vợ chồng ông Ph, bà G có tham gia 1 chung. Ông, bà cũng hót hội ở kỳ đầu (kỳ 1), bà K cũng đã giao đủ tiền. Hội chết 33 kỳ mà vợ chồng ông bà chưa thanh toán tổng cộng 16.500.000 đồng.

- Ngày 16/6/2023 AL, ông Ph, bà G có trả cho bà K 500.000 đồng. Như vậy vợ chồng ông Ph, bà G còn nợ bà K số tiền là 45.200.000 đồng. Mặc dù ông, bà đã hứa hẹn nhiều lần nhưng đến nay vẫn không thanh toán.

Nay bà K khởi kiện buộc ông Ph, bà G phải thanh toán số tiền hội còn nợ tổng cộng là 44.500.000 đồng.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/10/2023, bị đơn - Ông Nguyễn Minh Ph trình bày:*

Ông Ph và Lê Thị Nly hôn vào tháng 8/2023, ly hôn qua thủ tục hòa giải của Hòa giải viên. Về phần tài sản và công nợ ông Ph và bà N tự thỏa thuận, ông Ph trả nợ Ngân hàng còn các khoản nợ khác do bà N trả. Việc tham gia hội giữa bà Lê Ngọc G với bà Phạm Thị Mộng K thì ông Ph có biết nhưng tham gia thế nào thì ông Ph không rõ vì bà N trực tiếp thực hiện các giao dịch với bà K, ông Ph có gặp bà K đến nhà để gom hội. Ông Ph không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà K về việc buộc ông và bà N cùng có trách nhiệm liên đới trả khoản tiền nợ hội 45.200.000 đồng vì việc giao dịch hội do bà K với bà N tiến hành.

** Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/10/2023, bị đơn – Bà Lê Thị Ntrình bày:*

Bà Lê Thị Ntên thường gọi là Lê Ngọc G, bà với ông Ph ly hôn vào tháng 8/2023, ly hôn qua thủ tục hòa giải của Hòa giải viên. Tại thời điểm ly hôn, về phần tài sản và công nợ bà và ông Ph tự thỏa thuận, ông Ph trả nợ Ngân hàng còn các khoản nợ khác do bà N trả. Bà N không tham gia các tệ nạn xã hội như cờ bạc và cũng không kinh doanh gì thêm. Việc tham gia hội giữa bà N với bà Phạm Thị Mộng K thì ông Ph có biết vì gặp bà K có đến nhà bà N gom tiền hội. Tiền hót hội bà sử dụng vào mục đích lo cho các con ăn học, dùng tiêu xài trong gia đình. Chi phí sinh hoạt trong gia đình do bà N tính toán và giữ tiền. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà K về việc buộc ông Ph và bà cùng có trách nhiệm liên đới trả khoản tiền nợ hội 44.500.000 đồng nếu bà K đồng ý thì bà N sẽ tự thanh toán nợ cho bà K.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn - Bà Phạm Thị Mộng K trình bày: Xin thay đổi một phần khởi kiện, vì thời gian qua bà N đã trả cho số tiền 2.700.000 đồng nên chỉ yêu cầu ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Thị N thanh toán số tiền hội là 42.500.000 đồng.

Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về phần thủ tục tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật nên không có kiến nghị. Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mộng K, buộc ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Thị N liên đới thanh toán cho bà K số tiền nợ hội tổng cộng là 42.500.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị Mộng K khởi kiện buộc ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Thị N liên đới thanh toán tiền hội còn nợ nên xác định đây là “Tranh chấp hội” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; ông Ph và bà N có nơi cư trú tại ấp T, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau và vụ án không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị N có yêu cầu vắng mặt phiên xét xử vì đang đi làm việc ở xa, hoàn cảnh khó khăn nên không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, yêu cầu này của bà N là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Minh Ph đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt ông Ph theo quy định điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

Bà Phạm Thị Mộng K là đầu thảo, chủ hội ở địa phương, năm 2022 bà mở nhiều dây hội, ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Thị N tham gia 02 chân hội ở 02 dây hội khác nhau, loại hội có lãi, chủ hội được hưởng huê hồng (tiền cò). Khi mở hội, bà K có giao danh sách hội cho các hội viên. Quá trình giao dịch hội, ông Ph và bà N đã hót hội nhưng không đóng hội chết đầy đủ nên các bên xảy ra tranh chấp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn

Bà Phạm Thị Mộng K cho rằng ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Thị N tham gia 02 chân hội của 02 dây hội, sự việc được bà Lê Thị N thừa nhận, bà N có ký tên nhận tiền hội trong sổ do bà K quản lý, trong danh sách hội mở ngày 15/10/2022 âm lịch, loại hội 500.000 đồng, bà N tham gia với tên “Ph G”; danh sách hội mở ngày 15/7/2022 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, bà N tham gia với tên “Ph – G”. Riêng ông Nguyễn Minh Ph cho rằng ông có biết việc bà N tham gia hội do bà K mở vì bà K có đến nhà để gom tiền hội. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình*

tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc giao dịch hui giữa bà Phạm Thị Mộng K và bà Lê Thị N là thực tế, có xảy ra.

Về trách nhiệm trả nợ:

Bà Phạm Thị Mộng K buộc ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Thị N liên đới thanh toán cho bà số tiền nợ hui tổng cộng là 42.500.000 đồng, yêu cầu này của bà K là có căn cứ vì số tiền nợ hui được bà N thừa nhận và đồng ý thanh toán. Ông Nguyễn Minh Ph không đồng ý vì cho rằng đây là giao dịch riêng giữa bà N với bà K, ông không tham gia, lời trình bày của ông Ph không phù hợp bởi lẽ: Quá trình giao dịch hui thì trong danh sách hui đều đề tên “Ph – N”, số nợ hui này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Ph và bà N, khi ly hôn các đương sự không có văn bản thỏa thuận có hiệu lực pháp luật nhằm xác định rõ ông Ph trực tiếp thanh toán khoản nợ nào, bà N trực tiếp thanh toán khoản nợ nào. Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân thì bà N là người quản lý tiền bạc, chi tiêu trong gia đình hay kinh doanh riêng. Ông Ph không chứng minh được việc bà N hót hui để sử dụng mục đích riêng nên ông Ph phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh được, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Từ những phân tích nêu trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Mộng K, buộc ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Thị N liên đới thanh toán cho bà K số tiền nợ hui tổng cộng là 42.500.000 đồng đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 17, 24, 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biếu, phượng; Điều 30, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bà Phạm Thị Mộng K có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Thị N chậm thanh toán thanh toán cho bà K số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Ph và bà N còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 8 năm 2023, nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Thị N trả số tiền 45.200.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu là chỉ buộc thanh toán số tiền 42.500.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận vì không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà K được chấp nhận nên ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà K được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên được chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 147, 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17, 24, 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Buộc ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Thị N (Lê Ngọc G) có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Phạm Thị Mộng K tổng số tiền hội còn nợ là 42.500.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Phạm Thị Mộng K có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Thị N chậm thanh toán cho bà K số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Ph và bà N còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Ông Nguyễn Minh Ph và bà Lê Thị N mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.062.500 đồng.

Bà Phạm Thị Mộng K không phải chịu án phí. Bà K được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.130.000 đồng tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tóa án số 0016276 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền